

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quyết toán dự án dừng thực hiện
công trình: Đường trục chính ra cảng Tam Hiệp**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng và số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Theo các Quyết định của Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai: số 229/QĐ-KTM ngày 22/7/2005, số 243/QĐ-KTM ngày 31/12/2014 về việc phê duyệt dự án và điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình Đường trục chính ra cảng Tam Hiệp; số 305/QĐ-KTM ngày 28/12/2017 về việc dừng thực hiện công trình Đường trục chính ra cảng Tam Hiệp;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 820/TTr-STC ngày 30/12/2022 (kèm các Báo cáo kết quả thẩm tra: số 162/BCTT-STC ngày 31/12/2007, số 226/BCTT-STC ngày 02/12/2008, số 130/BCTT-STC ngày 29/6/2012, số 197/BC-STC ngày 10/9/2012, số 274/BC-STC ngày 26/10/2012, số 19/BC-STC ngày 05/02/2013, số 116/BC-STC ngày 17/6/2013 và số 2785/BC-STC ngày 17/10/2022).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án dừng thực hiện

1. Công trình: Đường trục chính ra cảng Tam Hiệp.

2. Cơ quan chủ quản đầu tư: Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai (nay là Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam).

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam (trước đây là Công ty Đầu tư và Phát triển Kỳ Hà Chu Lai Quảng Nam, bàn giao lại cho Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai, nay là Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam).

4. Địa điểm: huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

5. Thời gian khởi công: 18/3/2006; hoàn thành: 12/4/2012.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Nguồn vốn đầu tư:

a) Tổng mức đầu tư được duyệt: 67.655.051.342 đồng.

b) Nguồn vốn đầu tư: ngân sách nhà nước.

c) Vốn đầu tư đã bố trí thực hiện từ nguồn vốn ngân sách nhà nước: 65.154.339.842 đồng, gồm:

- Thanh toán hết kế hoạch năm 2018: 63.115.698.592 đồng.

- Chi phí hỗ trợ chênh lệch giá đất tái định cư theo hình thức khấu trừ vào tiền sử dụng đất phải nộp khi người dân nhận đất tái định cư, ngân sách không cấp phát, số tiền: 2.038.641.250 đồng theo phương án được duyệt tại Quyết định số 4702/QĐ-UBND ngày 30/9/2009 của UBND huyện Núi Thành và Thông báo bố trí đất tái định cư và ngân sách hỗ trợ tiền sử dụng đất tái định cư cho từng hộ gia đình (34 hộ) của UBND huyện Núi Thành.

- Kế hoạch vốn từ năm 2019 đến nay: không bố trí.

2. Chi phí đầu tư:

	Tổng dự toán công trình được duyệt (đồng)	Chi phí đầu tư được quyết toán (đồng)
Tổng số	67.655.051.342	64.941.855.859

3. Chi phí đầu tư không tính vào giá trị tài sản: không.

4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

	Tài sản do Chủ đầu tư quản lý, sử dụng (đồng)	Tài sản bàn giao cho đơn vị khác quản lý, sử dụng (đồng)
Tài sản cố định	64.941.855.859	0

Điều 3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Chủ đầu tư (Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh):

a) Được phép tất toán nguồn vốn và chi phí đầu tư công trình: Đường trục chính ra cảng Tam Hiệp, với số tiền: 64.941.855.859 đồng; đồng thời, tổ chức kiểm điểm các tập thể, cá nhân liên quan để rút kinh nghiệm trong việc chậm trễ lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành (hơn 08 năm) so với thời gian quy định của Bộ Tài chính.

b) Thanh toán các khoản công nợ theo giá trị quyết toán được phê duyệt. Các khoản công nợ (đến ngày 15/7/2022):

- Tổng nợ phải thu: 637.459.000 đồng.
- Tổng nợ phải trả: 424.975.017 đồng.

(Chi tiết công nợ theo Phụ lục đính kèm)

c) Quản lý, sử dụng tài sản hình thành sau đầu tư phải ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình, với số tiền: 64.941.855.859 đồng; thực hiện báo cáo kê khai biến động tài sản và quản lý, sử dụng tài sản theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Tên tài sản/ Quy mô	Nguyên giá (đồng)	Nguồn vốn
* Đường trục chính ra cảng Tam Hiệp có chiều dài tuyến L=1.511,26m, Bền = 35m = 2x10,5 (mặt đường) + 2m (dải phân cách) + 2x6m (lề đường); mặt đường bê tông nhựa, bó vỉa dải phân cách bằng bê tông xi măng và các công trình trên tuyến.	64.941.855.859	ngân sách nhà nước

2. Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh chịu trách nhiệm thu hồi số tiền: 637.459.000 đồng nộp ngân sách tỉnh **trước ngày 30/01/2023**, đồng thời phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu cấp thẩm quyền bố trí vốn để trả nợ cho dự án số tiền còn thiếu: 424.975.017 đồng theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP và phòng chuyên viên;
- Lưu: VT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hồng Quang

Phụ lục
TÌNH HÌNH THANH TOÁN VÀ CÔNG NỢ
Công trình: Đường trục chính ra cảng Tam Hiệp

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /01/2023 của UBND tỉnh Quảng Nam)

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Tên cá nhân đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Chi phí đầu tư được quyết toán	Vốn đã thanh toán	Công nợ đến ngày khoá sổ lập báo cáo quyết toán		Ghi chú
					Phải trả	Phải thu	
1	2	3	4	5	6=4-5	7=5-4	8
	Tổng cộng		64.941.855.859	65.154.339.842	424.975.017	637.459.000	
I	Chi phí thi công xây dựng		50.327.063.000	50.007.312.300	319.750.700		
1	Công ty Cổ phần Wei Xern Sin Việt Nam	Hạng mục: Nền mặt đường, vỉa hè, hệ thống thoát nước và tổ chức giao thông Hạng mục: Nền, mặt đường và công trình (thực hiện theo Công văn 132/KTM-XTM ngày 02/4/2009 của BQL Khu KTM Chu Lai)	4.339.479.000 16.474.649.000	4.339.479.000 16.154.898.300		319.750.700	
2	Công ty CP Đầu tư & Phát triển XD Hội An	Hạng mục: Nền mặt đường & công trình (Vết trái) Hạng mục: Thảm bê tông nhựa mặt đường.	15.624.927.000 13.888.008.000	15.624.927.000 13.888.008.000			
II	Ban Quản lý Khu KTM Chu Lai	Chi phí quản lý dự án	741.271.000	1.331.382.000		590.111.000	
III	Nhà thầu tư vấn xây dựng	Chi phí tư vấn xây dựng	3.086.715.000	3.045.066.000	41.649.000		
1	Công ty TNHH Tư vấn XD Miền trung	Chi phí khảo sát lập dự án đầu tư	193.568.000	193.568.000			
2	Nhà thầu khảo sát, thiết kế BVTC	Chi phí khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công	1.446.475.000	1.446.475.000			
2.1	Công ty CP Tư vấn Xây dựng Trí Thành	Chi phí Khảo sát xây dựng Chi phí Khảo sát, lập thiết kế dự toán hạng mục: nền mặt đường và công trình (Phân kỳ và giải pháp xử lý nền đất yếu)	334.597.000 318.113.000	334.597.000 318.113.000			
2.2	Công ty CP Tư vấn GT Quảng Nam	Chi phí thiết kế bản vẽ thi công	266.580.000	266.580.000			
2.2	Công ty CP Tư vấn GT Quảng Nam	Chi phí khảo sát TK BVTC điều chỉnh Chi phí thiết kế bản vẽ thi công	73.322.000 453.863.000	73.322.000 453.863.000			
3	Nhà thầu thẩm tra thiết kế - dự toán	Chi phí thẩm tra thiết kế dự toán	174.135.000	146.337.000	27.798.000		
3.1	Công ty TNHH TVXD & đo đạc địa chính BD	Chi phí thẩm tra thiết kế - dự toán	64.342.000	45.000.000	19.342.000		
3.2	Công ty CP TV & Kiểm định CLCT Hưng Tín	Chi phí thẩm tra thiết kế	40.013.000	40.013.000			
3.3	Công ty CP TV Đầu tư XD CSHT Cửu Long	Chi phí Thẩm tra thiết kế Chi phí Thẩm tra Dự toán	18.390.000 17.934.000	18.390.000 17.934.000			
3.4	Công ty Cổ phần Phú Cường Thịnh	Thẩm tra thiết kế	33.456.000	25.000.000	8.456.000		
4	Công ty TNHH kiểm định XD Tiến Tuấn	Chi phí kiểm định chất lượng công trình	76.362.000	64.517.000	11.845.000		
5	Nhà thầu tư vấn lựa chọn nhà thầu		111.463.000	109.457.000	2.006.000		
5.1	Công ty CP Phú Cường Thịnh		36.850.000	36.850.000			
5.2	Công ty TNHH TVXD & PT CSHT số 1	Chi phí Lựa chọn nhà thầu	40.006.000	38.000.000	2.006.000		
5.3	Công ty CP Tư vấn & Kiểm định chất lượng CT Hưng Tín		34.607.000	34.607.000			

Số TT	Tên cá nhân đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Chi phí đầu tư được quyết toán	Vốn đã thanh toán	Công nợ đến ngày khoá sổ lập báo cáo quyết toán		Ghi chú
					Phải trả	Phải thu	
6	Nhà thầu tư vấn giám sát	Chi phí giám sát thi công xây dựng	1.084.712.000	1.084.712.000			
6.1	Phân viện KHCN GTVT Miền Trung		57.787.000	57.787.000			
6.2	Trung Tâm Kỹ thuật xây dựng		372.811.000	372.811.000			
6.3	Công ty CP TV Đầu tư XD CSHT Cửu Long		340.392.000	340.392.000			
6.4	Phân viện KH&CN GTVT Miền Trung		313.722.000	313.722.000			
IV	Chi phí khác		844.857.900	876.018.900	16.187.000	47.348.000	
1	Nhà thầu Bảo hiểm công trình	Bảo hiểm công trình	90.793.000	131.959.000		41.166.000	
1.1	Chi nhánh Công ty CP Bảo hiểm PETROLIMEX Quảng Nam		31.834.000	73.000.000		41.166.000	
1.2	Công ty Bảo Hiểm Xuân Thành QN		58.959.000	58.959.000			
2	Công ty Đầu tư & Phát triển Kỳ Hà Chu Lai Quảng Nam	Chi phí đất nguyên liệu, bảo dưỡng hạ tầng	187.947.000	187.947.000			
3	Công ty CP Đầu tư & Phát triển XD Hội An	Chi phí đảm bảo giao thông	138.880.000	138.880.000			
4	Phí thẩm định liên quan thực hiện dự án		28.751.900	34.933.900		6.182.000	
4.1	Ban QL Khu KTM Chu Lai	Phí Thẩm định dự án	7.155.000	7.155.000			
		Phí Thẩm định thiết kế - dự toán		6.182.000		6.182.000	
		Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	1.438.000	1.438.000			
4.2	BQL dự án Chu Lai (CT TNHH MTV ĐT & PT Kỳ Hà - Chu Lai)	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	1.276.000	1.276.000			
4.3	Phòng TN&MT Núi Thành	Chi phí thẩm định PA Bồi thường	18.882.900	18.882.900			
5	Nhà thầu kiểm toán báo cáo quyết toán	Chi phí Kiểm toán báo cáo quyết roán	202.964.000	202.964.000			
5.1	Công ty Kiểm toán Quảng Việt		17.130.000	17.130.000			
			59.495.000	59.495.000			
			53.019.000	53.019.000			Sở Tài chính thuế kiểm toán độc lập
5.2	CN Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Thăng Long - T.D,K		62.823.000	62.823.000			
5.3	Công ty Kiểm toán và Tư vấn tài chính AFCC	1.100.000	1.100.000				
			9.397.000	9.397.000			
6	Sở Tài chính Quảng Nam	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	75.444.000	59.257.000	16.187.000		
7	Chi phí rà phá bom mìn	Chi phí rà phá bom mìn	120.078.000	120.078.000			
	Công ty Vạn Tường - Quân khu 5	Rà phá bom mìn	120.078.000	120.078.000			
V	Chi phí Bồi thường GPMB		9.941.948.959	9.894.560.642	47.388.317		
	Công ty Đầu tư và Phát triển Kỳ Hà Chu Lai	Chi phí bồi thường-GPMB	9.941.948.959	9.894.560.642	47.388.317		Vốn đã thanh toán: 9.894.560.642 đồng đã bao gồm: Chi phí hỗ trợ chênh lệch giá đất TĐC theo hình thức khấu trừ vào tiền sử dụng đất phải nộp khi người dân nhận đất TĐC, ngân sách không cấp phát, số tiền 2.038.641.250 đồng

Số TT	Tên cá nhân đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Chi phí đầu tư được quyết toán	Vốn đã thanh toán	Công nợ đến ngày khoá sổ lập báo cáo quyết toán		Ghi chú
					Phải trả	Phải thu	